

Bản án số: 147/2024/DSPT

Ngày 15 - 4 - 2024

V/v Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dân, bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2024/QĐPT-DS ngày 13/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2024/QĐ-PT ngày 02/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy B, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố E, TT. E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R; địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (ông M có mặt, bà R vắng mặt);

3.2. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3.3. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Làng M, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, vắng mặt;

3.4. Ông Phạm Hùng C1, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố E, A, phường

A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bá M, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3.5. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy B, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố E, TT. E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3.6. Ủy ban nhân dân xã E; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Duy B trình bày:*

Ông Phạm Văn D là con của ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R. Bố mẹ ông D có các người con gồm: Bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Hùng C1 và ông Phạm Văn C. Trong quá trình chung sống cả gia đình tạo lập được diện tích 10.380m² đất tại thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 175252, ngày 14/07/1999, đứng tên hộ ông Phạm Bá M. Cả gia đình canh tác, sinh sống ổn định đến khi các anh chị em lập gia đình ra ở riêng, riêng ông D lập gia đình được bố mẹ cắt cho một phần diện tích đất nằm trong thửa đất số 59 để làm nhà ở, sinh sống cùng vợ và các con. Từ năm 2010 bố mẹ yêu cầu ông D vay ngân hàng để lấy tiền lo việc cho các em, sau nhiều lần đáo hạn năm 2020 ông D tiếp tục trả nợ, được bố mẹ, bà H nói về ký vào giấy tờ, ông D nghĩ là ký vào giấy để tiếp tục vay ngân hàng, đồng thời là cha con, chị em với nhau nên tin tưởng, không đọc văn bản mà ký vào giấy tặng cho, nhầm tưởng là hợp đồng vay ngân hàng. Vì thực tế ông D không đi học, không biết đọc mà chỉ biết ghi tên của mình, nên không biết nội dung văn bản bố mẹ và chị đưa cho ký. Đến khoảng tháng 11/2020, thời điểm ông D đi làm ăn xa, bố mẹ, cùng chị ông D đuổi vợ con ra khỏi nhà mới biết được việc ký giấy trước đây là ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H. Ông D khẳng định việc ký vào hợp đồng tặng cho là vì tin tưởng bố mẹ cùng bà H nói là ký vào giấy để tiếp tục vay ngân hàng nên mới ký. Do đó, việc ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là do bị lừa dối.

Vì vậy, ông D làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 27/10/2020 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã E, giữa người tặng cho ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Hùng C1, ông Phạm Văn D với người được tặng cho bà Phạm Thị H.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Năm 1991, bố mẹ tôi là ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R khai hoang và

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 175252, đối với diện tích 10.380m². Gia đình chúng tôi gồm bố mẹ cùng các con sinh sống trên đất cho đến khi các anh chị em lập gia đình ra ở riêng. Năm 2010, ông D lập gia đình, sống cùng với bố mẹ, nhưng bà Đặng Thị T (con dâu) và ông D không chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ mà luôn xúc phạm, gây áp lực, đe dọa tính mạng, nên bố mẹ chúng tôi phải đi thuê trọ để ở, vì tuổi cao sức yếu, lại không có đất ở nên tôi phải nuôi dưỡng bố mẹ từ đó cho đến nay. Năm 2015, ông D, bà T tự ý xây dựng nhà, đến năm 2016 nhờ bố mẹ tôi mượn đất thế chấp đất để vay tiền tại Ngân hàng Đ 75 triệu đồng để lo việc gia đình, nhờ bố mẹ tôi đáo hạn nhiều lần để góp tiền mua xe tải. Đến năm 2020, số tiền gốc lên 100 triệu đồng, vì không muốn cho bố mẹ sống gần mình, biết bố mẹ không có khả năng trả, nên ông D không trả để ngân hàng phát mãi tài sản để mua lại. Sau đó, tôi đã đi vay 110 triệu để trả ngân hàng, đồng thời bố mẹ quyết định tặng cho quyền sử dụng đất lại cho tôi để có nơi ở và tiếp tục nuôi dưỡng. Trước khi quyết định tặng cho toàn bộ diện tích của thửa đất số 59 cho tôi, bố mẹ có gọi tất cả các con cùng họp bàn bạc, thống nhất đồng ý.

Bố mẹ cùng các con chúng tôi đều được học hành, biết đọc, biết viết. Vì thế, ngày 27/10/2020, bố mẹ cùng các anh em trong đó có ông D tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã E xác lập hợp đồng tặng cho. Sau khi lập hợp đồng xong, tất cả các thành viên đều được nghe cán bộ tư pháp xã đọc nội dung hợp đồng và mỗi cá nhân được xem lại một lần nữa trước khi ký. Các thành viên đã đồng ý ký vào hợp đồng theo quy định của pháp luật. Sau khi thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, tôi vẫn để gia đình ông D sinh sống trên đất, không có việc ông D cho rằng tôi đuổi vợ con ra khỏi đất, nên việc ông D khởi kiện là không đúng, tôi không đồng ý với nội dung khởi kiện này.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R trình bày:**

Năm 2010, ông D lập gia đình sống chung với bố mẹ, chúng tôi luôn đối xử đúng chuẩn mực, nhưng bà Đặng Thị T (con dâu) và ông D không chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ mà luôn xúc phạm, gây áp lực, đe dọa tính mạng, nên chúng tôi phải đi thuê trọ để ở. Năm 2015, vợ chồng ông D bà T tự ý xây dựng nhà, trồng muông trên đất của gia đình.

Việc ông D trình bày là người không biết chữ, chỉ biết ký tên, đồng thời khi đi làm xa, vợ con ông D bị chúng tôi đuổi ra khỏi nhà không có chỗ ở là không đúng. Vì hiện nay, gia đình ông D vẫn sinh sống, canh tác trên đất, ông D là người được học hành, đọc thông thạo và đã có bằng cấp làm nghề lái xe do trường kỹ thuật miền trung cấp.

Năm 2016, ông D nhờ tôi đứng vay thế chấp sổ đất tại ngân hàng Đ để vay 75 triệu đồng, đến năm 2020 cả gốc, cùng lãi lên đến hơn 100 triệu đồng, ông D cố tình không trả, nên chúng tôi có nhờ vợ chồng con gái tôi là bà H vay 110 triệu đồng về đáo hạn ngân hàng. Khi trả xong ngân hàng, do vợ chồng tuổi cao, sức yếu nên để con tôi là Phạm Thị H có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ đến cuối đời, vợ chồng chúng tôi quyết định tặng cho toàn bộ diện tích của thửa đất số 59 cho bà H. Trước khi ký hợp đồng tặng cho có tất cả các thành viên gia đình cùng họp bàn bạc, thống nhất đồng ý tặng cho bà H để nuôi dưỡng và chăm sóc bố mẹ.

Vì vậy, ngày 27/10/2020, vợ chồng chúng tôi, cùng các con trong đó có ông Phạm Văn D tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã E xác lập hợp đồng tặng cho. Sau khi lập hợp đồng xong, tất cả các thành viên đều được nghe cán bộ tư pháp xã đọc nội dung hợp đồng và mỗi cá nhân được xem lại một lần nữa trước khi ký. Các thành viên đã đồng ý ký vào hợp đồng theo quy định của pháp luật. Hiện đất đã đứng tên bà H. Việc ông D khởi kiện là không đúng, chúng tôi không đồng ý với nội dung khởi kiện.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T trình bày:***

Tôi là vợ của ông Phạm Văn D, năm 2011 chúng tôi kết hôn, được ông Phạm Bá M và các anh chị em trong gia đình nhà chồng có nói đất của hộ gia đình có khoảng hơn 01 ha đang vay ngân hàng 60 triệu, vợ chồng tôi trả khoản nợ đó xong thì đất là của vợ chồng chúng tôi, không ai tranh chấp gì, vì các anh chị em trong gia đình đều lập gia đình và có nhà cửa ổn định, nên vợ chồng tôi đã làm và trả khoản nợ nêu trên. Năm 2015, trả nợ xong vợ chồng chúng tôi xây dựng 01 căn nhà diện tích khoảng 50m² và trồng các loại cây trên đất. Sau khi bà H đến nhà tôi có tranh cãi về việc nói chúng tôi ở nhờ đất, nên tôi kiểm tra tại Ủy ban nhân dân xã E, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện mới biết đất đã được chuyển nhượng đứng tên bà Phạm Thị H. Việc chuyển nhượng là do gia đình chồng tôi thực hiện tôi không biết, còn chồng tôi ký vào hợp đồng tặng cho là do ông M nói về ký hợp đồng vay ngân hàng nên mới ký. Vì vậy, đồng ý với nội dung khởi kiện của chồng tôi ông Phạm Văn D.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng C1 trình bày:***

Năm 1991, bố mẹ tôi là ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R khai hoang mảnh đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 175252, tờ bản đồ số 17, đối với diện tích 10.380m². Gia đình chúng tôi gồm bố mẹ cùng các con sinh sống trên đất cho đến khi các anh chị em lập gia đình ra ở riêng.

Năm 2015, anh D tự ý xây dựng nhà trên mảnh đất này, vợ chồng ông D đã ép bố mẹ bỏ nhà đi thuê trọ. Bố mẹ và chúng tôi không đồng ý cho việc xây dựng này. Ngày 27/10/2020, bố mẹ tôi cùng các anh em trong đó có ông Phạm Văn D tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã E để làm hợp đồng tặng cho thửa đất này. Các thành viên đã đồng ý ký vào bản hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

Đơn khởi kiện yêu cầu hủy “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” với các nội dung không đúng sự thật với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản và đất đai hợp pháp của chị Phạm Thị H. Yêu cầu Tòa án nhân dân công tâm trong quá trình thụ lý và xử lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày:***

Tôi là con trai cả trong gia đình ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R, tôi có các em là chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Hùng C1, chị Phạm Thị H1. Diện tích đất 10.380m², thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17, tại thôn I, xã E, huyện E là tài sản của bố mẹ tôi có được do nhận chuyển nhượng từ lâu (không nhớ thời gian), nguồn gốc hình thành từ tài sản chung của ông M bà R. Tôi không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất do bố mẹ tôi nhận chuyển nhượng.

Năm 2015, tôi có biết việc vợ chồng anh Phạm Văn D xây nhà và công trình phụ trên đất, nhưng do không sống cùng với bố mẹ, các em nên không biết giữa bố mẹ tôi và vợ chồng anh D có thỏa thuận với nhau về việc xây nhà như thế nào? Có sự đồng ý của ông bà hay không?

Ngày 27/10/2020, thời điểm tôi cùng anh D đến Ủy ban nhân dân xã E để ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H, những người đến ký sau gồm: Bố mẹ tôi, chị H, anh C1 và chị H1, riêng chị T là con dâu nên không tham gia ký hợp đồng tặng cho.

Về nội dung đơn khởi kiện, tôi không đồng ý với trình bày của anh D về ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị H là do bị lừa dối. Nguyên nhân, mục đích gia đình tôi thống nhất ký hợp đồng tặng cho chị H là: Bố tôi thông báo khoản nợ vay ngân hàng cho anh D đến hạn là hơn 100.000.000 đồng, anh D không có khả năng trả nợ nên đồng ý để ngân hàng thu hồi tài sản, nhưng chị Hiệp đồng ý trả nợ cho ngân hàng thay anh D để giữ lại thửa đất cho bố mẹ tiếp tục sinh sống trên thửa đất nêu trên. Do đó, gia đình tôi đã thống nhất ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà H. Tại thời điểm xác lập hợp đồng, những người trong gia đình tôi đều được biết về việc tặng cho, không có sự lừa dối như anh D trình bày. Tôi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với thửa đất, tuy nhiên tôi không đồng ý với nội dung anh D khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2020.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H1 trình bày:***

Tôi là con của ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R, gia đình chúng tôi có 05 anh chị em: tôi, anh trai Phạm Văn C, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Hùng C1. Xác định, ngày 27/10/2020, tôi cùng với bố mẹ, các anh chị em trong đó có anh Phạm Văn D ký hợp đồng tặng cho tại Ủy ban nhân dân xã E, việc tặng đất cho chị Phạm Thị H là tự nguyện, trong đó có anh D cũng tự nguyện tặng cho. Hiện nay, đã xác lập hợp đồng tặng cho chị H rồi, nên tôi không có ý kiến gì và không đồng ý theo nội dung khởi kiện của ông D

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã E tại văn bản từ chối tham gia tố tụng số 93, ngày 22/08/2023, trình bày:***

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 36, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐG, đất được xác lập tại Ủy ban nhân dân xã E ngày 27/10/2021 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Xét thấy, chứng cứ do Ủy ban nhân dân xã cung cấp đầy đủ. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên chúng tôi từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 457, 459 của Bộ Luật dân sự; - Điều 167, 168 và Điều 188 luật đất đai 2013.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn D về yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 27/10/2020.

Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn D phải chịu 4.000.000 đồng chi phí cho việc thẩm định và định giá tài sản đã nộp tạm ứng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11,12/10/2023, bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, theo chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 27/10/2020 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã E, giữa bên tặng cho ông Phạm Bá M, bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Hùng C1, ông Phạm Văn D với bên nhận tặng cho bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng tặng cho được xác lập thành văn bản, được UBND xã E chứng thực là thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật đất đai, Điều 459 Bộ Luật dân sự.

Về nội dung của hợp đồng: Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai. Đã thực hiện thủ tục đăng ký chuyển nhượng theo khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai, do đó ngày 06/11/2020 Văn phòng Đ1 chi nhánh E đã đăng ký biến động đứng tên bà Phạm Thị H

Về chủ thể của hợp đồng: Các bên tham gia giao kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, là những người có quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 168 của Luật đất đai.

Do đó, xét về hình thức, nội dung, chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tặng cho là đúng theo quy định của pháp luật. Nên hợp đồng tặng cho được các bên xác lập ngày 27/10/2020 là có hiệu lực pháp luật.

Xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng ông D bị lừa dối ký vào hợp đồng để vay vốn ngân hàng chứ không phải là ký hợp đồng tặng cho, thấy rằng, ông D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự để nhận thức về việc tham gia giao dịch dân sự, nên buộc ông D phải biết và chịu trách nhiệm về hành vi của mình khi đã ký kết hợp đồng, ông D không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc ông bị lừa dối. Ngoài ra ông D còn cho rằng ông M, bà R đã tặng một phần diện tích đất của thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17 cho vợ chồng ông nhưng ông không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh, ông M, bà R cũng không thừa nhận, nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên thấy rằng kháng cáo của bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D không có căn cứ để chấp nhận mà cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn D về yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 27/10/2020.

[3]. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn D phải chịu 4.000.000 đồng chi phí cho việc thẩm định và định giá tài sản, ông D đã nộp đủ và chi phí xong.

[4]. Về án phí DSST: Ông Phạm Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2019/0016782, ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

[5]. Về án phí DSPT:

Bà Đặng Thị T, ông Phạm Văn D mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000034 ngày 17/10/2023, và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000035 ngày 17/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Sâm

